

CHƯƠNG 12 SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Điều 12.1: Mục tiêu

Các mục tiêu của Chương này nhằm:

- (a) nâng cao vai trò của sở hữu trí tuệ trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội, đặc biệt là trong hoạt động sáng tạo, chuyển giao và phổ biến công nghệ và thương mại;
- (b) giảm trở ngại đối với thương mại và đầu tư thông qua việc tạo ra, tận dụng, bảo hộ và thực thi đầy đủ và hiệu quả quyền sở hữu trí tuệ, có tính đến sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế và năng lực, cũng như những khác biệt về hệ thống pháp luật quốc gia của các Bên;
- (c) duy trì sự cân bằng thích hợp giữa quyền của chủ sở hữu và lợi ích hợp pháp của người sử dụng và cộng đồng đối với những đối tượng được bảo hộ sở hữu trí tuệ;
- (d) đảm bảo rằng quyền sở hữu trí tuệ được thực thi có hiệu quả nhằm, *bên cạnh các mục tiêu khác*, giảm thiểu việc buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền và rằng các biện pháp và thủ tục thực thi quyền không trở thành rào cản đối với thương mại hợp pháp.

Điều 12.2: Nguyên tắc chung

1. Mỗi Bên phải cung cấp bảo hộ đầy đủ, hiệu quả và không phân biệt đối xử đối với quyền sở hữu trí tuệ, và quy định các biện pháp phù hợp để thực thi các quyền này.
2. Đối với tất cả đối tượng sở hữu trí tuệ có trong Chương này, mỗi Bên phải trao cho công dân¹ của Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn so với sự đối xử dành cho công dân của mình trong việc bảo hộ và thụ hưởng² các quyền sở hữu trí tuệ, và mọi lợi ích có được từ các quyền đó, phù hợp với các Điều 3 và 5 Hiệp định TRIPS.
3. Các Bên được tự do quyết định cách thức phù hợp để thi hành các điều khoản của Chương này trong hệ thống pháp luật và thực tiễn thi hành của nước mình.
4. Mỗi Bên sẽ công nhận các mục tiêu chính sách xã hội cơ bản của các hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ quốc gia, kể cả các mục tiêu phát triển và công nghệ. Không quy định nào trong

¹ Trong Điều này, thuật ngữ “công dân” được hiểu như trong Hiệp định TRIPS.

² Trong khoản 2, thuật ngữ “bảo hộ” có nghĩa như trong Hiệp định TRIPS, và sẽ bao gồm;

- (a) các vấn đề ảnh hưởng đến khả năng đạt được, việc đăng ký, phạm vi, sự duy trì và thực thi quyền sở hữu trí tuệ cũng như các vấn đề ảnh hưởng đến việc sử dụng quyền sở hữu trí tuệ được quy định cụ thể trong Chương này; và
- (b) các quyền và nghĩa vụ liên quan đến tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa được quy định tại Điều 12.8.

Chương này được hiểu là sự ngăn cản một Bên thực hiện bất kỳ hành động nào được coi là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của mình.

Điều 12.3: Khẳng định các cam kết quốc tế

1. Mỗi Bên khẳng định các quyền và nghĩa vụ hiện tại của mình theo Hiệp định TRIPS và các điều ước quốc tế khác về sở hữu trí tuệ mà hai Bên cùng là thành viên. Không quy định nào trong Chương này ảnh hưởng đến các quyền và nghĩa vụ hiện tại mà các Bên có với nhau theo các điều ước quốc tế này.

2. Mỗi Bên sẽ nỗ lực ở mức hợp lý để phê chuẩn hoặc gia nhập những điều ước quốc tế sau:

(a) *Hiệp ước về Quyền tác giả của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới* (sau đây gọi tắt tổ chức này là “WIPO”) (năm 1996); và

(b) *Hiệp ước về Cuộc biểu diễn và bản ghi âm của WIPO* (năm 1996).

Khi một Bên có ý định gia nhập bất kỳ điều ước quốc tế nào nêu trên thì có thể tìm kiếm sự hợp tác từ Bên kia để được hỗ trợ cho việc gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế đó.

Điều 12.4: Bảo hộ cao hơn

Mỗi Bên có thể, nhưng không có nghĩa vụ, quy định sự bảo hộ cao hơn đối với các quyền sở hữu trí tuệ trong pháp luật của mình so với quy định của Chương này, với điều kiện rằng sự bảo hộ cao hơn đó không trái với các quy định của Chương này.

Điều 12.5: Nhãn hiệu

Bảo hộ nhãn hiệu

1. Mỗi Bên phải đảm bảo sự bảo hộ đầy đủ và hiệu quả đối với nhãn hiệu phù hợp với Hiệp định TRIPS. Tuy nhiên, không Bên nào được từ chối đăng ký nhãn hiệu chỉ với lý do rằng nhãn hiệu đó chứa dấu hiệu là các yếu tố hình họa hoặc hình dạng của hàng hóa hoặc hình dạng của bao bì hàng hóa.

2. Mỗi Bên phải quy định rằng chủ sở hữu nhãn hiệu đã đăng ký có độc quyền ngăn cấm người khác mà không được sự cho phép của mình sử dụng trong hoạt động thương mại các dấu hiệu trùng hoặc tương tự, cho những hàng hóa hoặc dịch vụ trùng hoặc tương tự với hàng hóa và dịch vụ đã đăng ký của chủ sở hữu nhãn hiệu, nếu việc sử dụng đó có khả năng gây nhầm lẫn. Việc sử dụng cùng một dấu hiệu cho cùng loại hàng hoá hoặc dịch vụ phải được coi là có khả năng gây nhầm lẫn.

Ngoại lệ về quyền đối với nhãn hiệu

3. Mỗi Bên có thể quy định các ngoại lệ hạn chế đối với quyền được cấp cho nhãn hiệu, chẳng hạn việc sử dụng có mục đích lành mạnh các thuật ngữ có tính mô tả, với điều kiện những ngoại lệ này có tính đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu nhãn hiệu và của bên thứ ba.

Nhãn hiệu nổi tiếng

4. Không Bên nào được yêu cầu nhãn hiệu phải được đăng ký tại Bên đó như điều kiện để xác định nhãn hiệu đó là nổi tiếng.

5. Điều 6bis Công ước Paris về bảo hộ tài sản công nghiệp (năm 1967) phải được áp dụng, với những sửa đổi phù hợp, cho những hàng hóa hoặc dịch vụ không trùng hoặc không tương tự với hàng hóa hoặc dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng,³ dù có đăng ký hay không, với điều kiện rằng việc sử dụng nhãn hiệu đó cho những hàng hóa hoặc dịch vụ nói trên có khả năng chỉ ra mối liên hệ giữa hàng hóa hoặc dịch vụ với chủ sở hữu nhãn hiệu, và với điều kiện rằng lợi ích của chủ sở hữu nhãn hiệu có khả năng bị tổn hại từ việc sử dụng đó.

6. Mỗi Bên sẽ phải quy định các biện pháp phù hợp để từ chối đơn hoặc hủy bỏ đăng ký và cấm sử dụng một nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu nổi tiếng, cho hàng hóa hoặc dịch vụ trùng hoặc tương tự, nếu việc sử dụng nhãn hiệu đó có khả năng:

- (a) gây nhầm lẫn với,
- (b) lừa dối hoặc lừa gạt về mối liên hệ giữa nhãn hiệu với chủ sở hữu của, hoặc
- (c) gây tổn hại đến danh tiếng của,

nhãn hiệu nổi tiếng có trước.

Các Bên được khuyến khích áp dụng các biện pháp tương tự, với những sửa đổi thích hợp, đối với những hàng hóa hoặc dịch vụ có liên quan đến những hàng hóa hoặc dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng,

Đơn và đăng ký nhãn hiệu

7. Mỗi Bên phải thiết lập một hệ thống để đăng ký nhãn hiệu, trong đó các lý do từ chối đăng ký nhãn hiệu phải được thông báo bằng văn bản và có thể được gửi bằng phương tiện điện tử cho người nộp đơn - người mà sẽ có cơ hội khiếu nại việc từ chối đó và khiếu kiện ra tòa án về quyết định từ chối cuối cùng.

8. Mỗi Bên phải quy định khả năng phản đối đơn đăng ký nhãn hiệu.

9. Mỗi Bên phải quy định rằng thời hạn đăng ký lần đầu và mỗi lần gia hạn đăng ký nhãn hiệu sẽ không ít hơn 10 năm.

Điều 12.6. Bảo hộ chống cạnh tranh không lành mạnh

³ Khi xác định liệu một nhãn hiệu có nổi tiếng không, Không Bên nào được yêu cầu rằng sự nổi tiếng của nhãn hiệu hàng hoá phải vượt ra ngoài bộ phận người dân thường tiếp xúc với hàng hoá hoặc dịch vụ liên quan.

1. Mỗi Bên phải bảo hộ có hiệu quả chống lại hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Mọi hành vi cạnh tranh trái với hoạt động công nghiệp và thương mại trung thực sẽ được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Đặc biệt, những việc dưới đây phải bị cấm:

- (a) mọi hành vi có bản chất nhằm tạo ra sự nhầm lẫn bằng mọi cách về cơ sở kinh doanh, hàng hóa hoặc các hoạt động thương mại hoặc công nghiệp, của đối thủ cạnh tranh;
- (b) những cáo buộc sai lệch trong hoạt động thương mại có bản chất nhằm làm mất uy tín cơ sở kinh doanh, hàng hóa, hoặc các hoạt động thương mại hoặc công nghiệp, của đối thủ cạnh tranh;
- (c) sử dụng các chỉ dẫn hoặc cáo buộc trong hoạt động thương mại có khả năng lừa dối công chúng về bản chất, quy trình sản xuất, đặc điểm, tính phù hợp với mục đích, hoặc số lượng, của hàng hóa;
- (d) các hành vi sử dụng, hoặc chiếm đoạt hoặc nắm giữ quyền sử dụng, tên miền trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu nổi tiếng tại mỗi Bên nhằm các mục đích được quy định trong pháp luật của Bên đó, như có dụng ý kiếm lợi một cách thiếu lành mạnh hoặc gây tổn hại cho người khác.

2. Mỗi Bên sẽ phải đảm bảo trong pháp luật của mình sự bảo hộ đầy đủ và hiệu quả thông tin bí mật phù hợp với Điều 39 Hiệp định TRIPS.

3. Mỗi Bên phải thiết lập các chế tài phù hợp để ngăn chặn hoặc trừng phạt các hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Đặc biệt, mỗi Bên phải bảo đảm rằng bất kỳ ai thấy rằng lợi ích kinh doanh của mình bị thiệt hại bởi hành vi cạnh tranh không lành mạnh thì đều có thể yêu cầu áp dụng hành động pháp lý và yêu cầu đình chỉ hoặc ngăn chặn hành vi đó, tiêu hủy hàng hóa tạo thành hành vi xâm phạm, tiêu hủy nguyên liệu và phương tiện được sử dụng trong hành vi đó, hoặc yêu cầu bồi thường cho những tổn thất gây ra bởi hành vi đó, trừ khi được quy định khác trong pháp luật trong nước của Bên đó.

Điều 12.7: Sáng chế

1. Mỗi Bên sẽ phải cấp bằng độc quyền sáng chế cho mọi sáng chế, dù là sản phẩm hay quy trình, thuộc mọi lĩnh vực công nghệ, với điều kiện sáng chế đó phải mới, có trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp.

2. Mỗi Bên có thể loại trừ việc bảo hộ sáng chế cho:

- (a) những sáng chế, mà việc khám phá thác thương mại trong lãnh thổ nước đó là cần thiết để bảo vệ *trật tự công cộng* hoặc đạo đức xã hội, kể cả để bảo vệ cuộc sống hoặc sức khỏe của con người và động vật hoặc thực vật hoặc để tránh gây nguy hại nghiêm trọng cho môi trường, với điều kiện ngoại lệ đó được quy định không chỉ vì việc khám phá các sáng chế tương ứng bị pháp luật của nước đó ngăn cấm;

- (b) các phương pháp chẩn đoán, điều trị và phẫu thuật để chữa bệnh cho người và động vật; và
- (c) thực vật và động vật không phải là chủng vi sinh, và quy trình sản xuất thực vật và động vật chủ yếu mang tính chất sinh học mà không phải là quy trình phi sinh học hoặc vi sinh.

3. Mỗi Bên có thể quy định các ngoại lệ hạn chế đối với độc quyền được cấp cho sáng chế, với điều kiện những ngoại lệ đó không mâu thuẫn một cách bất hợp lý với việc khai thác bình thường của sáng chế và không làm tổn hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu sáng chế, có tính đến lợi ích hợp pháp của bên thứ ba.

4. Mỗi Bên không được sử dụng các thông tin được bộc lộ công khai để xác định liệu sáng chế đó có tính mới hoặc có trình độ sáng tạo không nếu việc bộc lộ công khai đó:

- (a) được thực hiện hoặc được sự cho phép bởi người nộp đơn, hoặc thực hiện mà không có sự cho phép của người nộp đơn, phù hợp với quy định của pháp luật quốc gia;⁴ và
- (b) xảy ra trong vòng sáu tháng trước ngày nộp đơn tại lãnh thổ Bên đó.

Thẩm định nhanh

5. Mỗi Bên có thể, phù hợp với pháp luật trong nước, cho phép người nộp đơn yêu cầu thẩm định nhanh đối với đơn đăng ký sáng chế với điều kiện rằng sáng chế được yêu cầu bảo hộ:

- (a) đang được sử dụng bởi người khác mà không phải người nộp đơn sau khi công bố đơn; hoặc
- (b) đang được sử dụng hoặc chuẩn bị đưa vào sử dụng bởi người nộp đơn.

Điều 12.8 : Quyền tác giả và quyền liên quan

Bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan

1. Mỗi Bên sẽ quy định dành cho các tác giả, người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, tổ chức phát sóng có quyền cho phép hoặc cấm mọi hình thức sao chép sao tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, chương trình phát sóng, bằng bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào.

2. Mỗi Bên sẽ quy định là bất kỳ cá nhân⁵ nào sử dụng trực tiếp hoặc gián tiếp bản ghi âm đã được công bố nhằm mục đích thương mại để phát sóng không phải xin phép nhưng phải trả tiền thù lao⁶ cho người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm.

⁴ Các Bên nhất trí rà soát việc mở rộng các ngoại lệ liên quan đến yêu cầu về tính mới và trình độ sáng tạo đối với khả năng bảo hộ của sáng chế được quy định trong đoạn này khi cần thiết.

⁵ “Cá nhân” được hiểu là thể nhân hoặc pháp nhân.

⁶ Tiền nhuận bút, thù lao được thanh toán trên cơ sở các điều khoản được thoả thuận giữa người sử dụng và người biểu diễn và nhà sản xuất bản ghi âm hoặc xác định theo pháp luật của mỗi Bên.

Quản lý tập thể quyền

3. Các Bên thừa nhận tầm quan trọng của các Hiệp hội quản lý tập thể quyền tác giả và quyền liên quan, để đảm bảo việc quản lý hiệu quả các quyền được uỷ thác, và phân phối hợp lý các khoản nhuận bút, thù lao thu được, sau khi khấu trừ một tỷ lệ phí quản lý phù hợp nhằm phát huy việc khai thác, sử dụng các tác phẩm, cuộc biểu diễn, hoặc bản ghi âm, trên cơ sở minh bạch và quy trình quản lý hiệu quả, phù hợp với pháp luật của mỗi Bên.

4. Mỗi Bên sẽ nỗ lực để tạo điều kiện thiết lập các thỏa thuận giữa các Hiệp hội tập thể quyền tương ứng nhằm mục đích bảo đảm tạo điều kiện dễ dàng tiếp cận và truyền đạt nội dung thuận lợi giữa các Bên, cũng như, việc đảm bảo chuyển giao cho nhau tiền bản quyền sử dụng tác phẩm hoặc các đối tượng được bảo hộ quyền tác giả khác của các Bên một cách thuận lợi. Mỗi Bên sẽ nỗ lực để đạt được mức độ hợp lý hóa cao nhất và nâng cao tính minh bạch liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ của các Hiệp hội tập thể quyền tương ứng.

Bảo hộ tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hoá

5. Mỗi Bên sẽ quy định các biện pháp xử lý hành chính hoặc hình sự, phù hợp với pháp luật và quy định nước mình đối với các hành vi sau:

- (a) Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, nhập khẩu, xuất khẩu, bán, cho thuê hoặc phân phối khác một thiết bị hoặc hệ thống, do bất kỳ người nào thực hiện khi biết hoặc có cơ sở để biết rằng thiết bị hoặc hệ thống đó chủ yếu để giúp cho việc giải mã không được phép của nhà phân phối hợp pháp tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hoá; và
- (b) Cố ý thu hoặc tiếp tục phân phối một tín hiệu vệ tinh mang chương trình đã được mã hoá khi tín hiệu đã được giải mã mà không được phép của người phân phối hợp pháp tín hiệu đó

Hạn chế và ngoại lệ

6. Mỗi Bên phải giới hạn những hạn chế và ngoại lệ đối với các độc quyền trong những trường hợp đặc biệt nhất định, không mâu thuẫn với việc khai thác bình thường một tác phẩm và không làm tổn hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của người nắm quyền.

Điều 12.9: Thực thi quyền sở hữu trí tuệ

Nghĩa vụ chung

1. Các Bên công nhận tầm quan trọng của việc thực thi quyền sở hữu trí tuệ như được quy định tại Hiệp định TRIPS, đặc biệt là các Điều từ 41 đến 61 của Hiệp định này.

Giả định về quyền tác giả hoặc quyền sở hữu

2. Trong vụ kiện dân sự, hình sự, và nếu áp dụng, hành chính liên quan đến quyền tác giả hoặc quyền liên quan, mỗi Bên phải quy định giả định rằng, trong trường hợp không có

chứng cứ ngược lại, người có tên được chỉ dẫn theo cách thông thường sẽ là chủ sở hữu quyền đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm hoặc phát sóng như chỉ dẫn.

Các thủ tục và chế tài dân sự và hành chính

3. Trong vụ kiện dân sự, mỗi Bên phải phải quy định rằng tòa án có quyền ra lệnh buộc người xâm phạm phải trả cho chủ thể quyền khoản đền bù thỏa đáng để bồi thường thiệt hại mà chủ thể quyền sở hữu trí tuệ phải gánh chịu do hành vi xâm phạm của người thực hiện hành vi xâm phạm quyền khi đã biết hoặc có cơ sở để biết điều đó..

4. Mỗi Bên phải quy định rằng tòa án, trừ trường hợp ngoại lệ, phải có quyền ra lệnh, theo kết luận của vụ kiện dân sự liên quan đến hành vi xâm phạm quyền tác giả hoặc quyền liên quan, xâm phạm quyền đối với sáng chế hoặc nhãn hiệu, rằng bên thua kiện phải trả án phí và chi phí luật sư phù hợp, theo quy định của pháp luật Bên đó.

5. Trong vụ kiện dân sự, mỗi Bên phải, ít nhất đối với các tác phẩm, bản ghi âm và buổi biểu diễn được bảo hộ quyền tác giả hoặc quyền liên quan, và trong trường hợp hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, thiết lập hoặc duy trì mức bồi thường thiệt hại ấn định trước. Mức bồi thường này phải đủ để đền bù cho chủ thể quyền những thiệt hại gây ra bởi hành vi xâm phạm.⁷

6. Trong vụ kiện dân sự liên quan đến hành vi xâm phạm quyền tác giả hoặc quyền liên quan và giả mạo nhãn hiệu, mỗi Bên phải quy định rằng tòa án có quyền ra lệnh thu giữ hàng hóa bị cho là xâm phạm quyền, nguyên liệu và phương tiện liên quan đến hành vi xâm phạm, và, ít nhất đối với hành vi giả mạo nhãn hiệu, tài liệu chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền⁸.

7. Mỗi Bên phải quy định rằng liên quan đến thủ tục dân sự về thực thi quyền sở hữu trí tuệ, tòa án có quyền phạt các bên liên quan, luật sư của các bên, các chuyên gia, hoặc những người khác tùy theo quy định của tòa, về việc vi phạm lệnh của tòa liên quan đến bảo vệ thông tin bí mật phát sinh hoặc trao đổi trong quá trình tố tụng.

8. Mỗi Bên phải nỗ lực, khi cần, để cải thiện hệ thống tư pháp nhằm quy định các chế tài dân sự hiệu quả chống lại hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Biện pháp khẩn cấp tạm thời

9. Mỗi Bên phải quy định rằng tòa án có quyền ra lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời một cách nhanh chóng và hiệu quả khi có yêu cầu. Tòa án cũng phải có thẩm quyền áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời *trước khi nghe ý kiến của bị đơn*, trong trường hợp phù hợp, đặc biệt, trong trường hợp sự chậm trễ có khả năng gây ra thiệt hại không thể khắc phục được cho chủ thể quyền, hoặc trong trường hợp có nguy cơ rõ ràng rằng chứng cứ đang bị tiêu hủy.

10. Mỗi Bên phải quy định rằng tòa án có quyền yêu cầu người nộp đơn, liên quan đến biện pháp khẩn cấp tạm thời, cung cấp mọi chứng cứ có được một cách hợp lý đủ để thuyết phục ở mức độ chắc chắn rằng quyền của người nộp đơn đang bị xâm phạm hoặc hành vi

⁷ Không Bên nào phải áp dụng đoạn 5 cho các hành vi xâm phạm quyền của một Bên hoặc một bên thứ ba thực hiện với sự cho phép hoặc đồng ý của Bên đó.

⁸ Một Bên có thể thực thi nghĩa vụ này bằng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

xâm phạm là hiển nhiên, và để ra lệnh cho buộc người nộp đơn phải nộp khoản bảo đảm hoặc bảo chứng tương đương đủ để bảo vệ bị đơn và ngăn ngừa sự lạm dụng, và không cản trở một cách bất hợp lý đến các thủ tục này.

Các yêu cầu đặc biệt liên quan đến biện pháp kiểm soát biên giới

11. Mỗi Bên phải quy định rằng mọi chủ thể quyền nào tiến hành các thủ tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền đình chỉ thông quan hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc sao chép lậu⁹, vào lưu thông tự do, đều phải cung cấp đầy đủ bằng chứng để thỏa mãn cơ quan có thẩm quyền rằng, theo pháp luật của nước nhập khẩu, có *chứng cứ hiển nhiên* về hành vi xâm phạm quyền và phải cung cấp mô tả chi tiết đầy đủ về hàng hóa để cơ quan có thẩm quyền có thể dễ dàng nhận biết những hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền đó.

12. Mỗi Bên có thể, không ảnh hưởng đến pháp luật của Bên đó về quyền riêng tư hoặc bảo mật thông tin, cho phép cơ quan có thẩm quyền của Bên đó, trong trường hợp các cơ quan đó đã tạm giữ hoặc thu giữ, hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, thông báo cho chủ thể quyền, người đã nộp đơn yêu cầu được hỗ trợ thông tin về hàng hóa mà có thể giúp họ trong việc theo đuổi một biện pháp chế tài. Thông tin này có thể bao gồm mô tả về và số lượng hàng hoá, tên và địa chỉ của người gửi hàng, người nhập khẩu, người xuất khẩu hoặc người nhận, và, nếu biết, nước xuất xứ của hàng hoá, tên và địa chỉ của nhà sản xuất hàng hoá.

13. Mỗi Bên phải quy định rằng hàng hóa đã bị đình chỉ thông quan bởi cơ quan hải quan của nước mình, và hàng hóa bị tịch thu như hàng giả mạo nhãn hiệu, sao chép lậu, phải bị tiêu hủy hoặc loại khỏi kênh thương mại theo cách mà tránh bất kỳ sự tổn hại nào cho chủ thể quyền. Đối với hàng hoá giả mạo nhãn hiệu, việc đơn thuần gỡ bỏ nhãn hiệu gắn trên hàng hoá một cách bất hợp pháp không đủ để cho phép hàng hoá đó được vào lưu thông trong các kênh thương mại.

Các biện pháp và thủ tục hình sự

14. Mỗi Bên phải quy định các thủ tục và hình phạt hình sự phải được áp dụng ít nhất trong các trường hợp cố ý giả mạo nhãn hiệu hoặc xâm phạm bản quyền ở quy mô thương mại. Các biện pháp chế tài theo quy định phải bao gồm cả phạt tù và/hoặc phạt tiền đủ để ngăn ngừa xâm phạm, tương ứng với mức phạt được áp dụng cho các tội phạm có mức độ nghiêm trọng tương đương trong những trường hợp thích hợp.

Các biện pháp đặc biệt chống lại người xâm phạm quyền tác giả nhiều lần trên mạng thông tin điện tử

15. Mỗi Bên phải nỗ lực quy định các biện pháp nhằm giảm thiểu các hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan lặp đi lặp lại trên mạng thông tin điện tử.

Điều 12.10: Hợp tác

⁹ Trong đoạn này, các thuật ngữ “hàng giả mạo nhãn hiệu” và “hàng sao chép lậu” có nghĩa như được quy định tại Điều 51 Hiệp định TRIPS.

1. Các Bên nhất trí thúc đẩy hợp tác song phương trong lĩnh vực này nhằm nâng cao hiệu quả và sự phát triển của hệ thống sở hữu trí tuệ một cách có lợi và cân bằng.

2. Theo yêu cầu của một Bên, Bên kia sẽ, ở mức có thể và phù hợp, hỗ trợ kỹ thuật cho Bên yêu cầu trong việc tạo ra, đăng ký, bảo hộ, sử dụng và thực thi quyền sở hữu trí tuệ vì sự sáng tạo trong nước và sự phát triển kinh tế của Bên đó.

3. Các Bên nhất trí trao đổi quan điểm và thông tin về quy định pháp lý, quản trị, đăng ký và bảo vệ quyền, bao gồm thông tin về những nỗ lực của mình trong việc thực thi hiệu quả, các quyền sở hữu trí tuệ.

4. Các Bên cũng nhất trí hợp tác, thông qua các cơ quan sở hữu trí tuệ của mình, về các vấn đề sau đây :

- (a) Xây dựng năng lực cho các cán bộ hoặc chuyên gia về quyền sở hữu trí tuệ;
- (b) Quản trị sở hữu trí tuệ, và hệ thống đăng ký, bao gồm các cơ sở dữ liệu để công chúng có thể truy cập được;
- (c) Giáo dục và nâng cao nhận thức của công chúng về quyền sở hữu trí tuệ;
- (d) Thương mại hoá tài sản trí tuệ và chuyển giao công nghệ;
- (e) Nâng cao quy trình quản lý chất lượng; và
- (f) Các lĩnh vực khác do các Bên thỏa thuận.

5. Với mục đích nâng cao tính minh bạch trong hệ thống quản trị về bảo hộ sở hữu trí tuệ, các Bên cũng nhất trí hợp tác trong việc cung cấp công khai các thông tin về đơn và đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu và các đối tượng khác, khi thích hợp.

6. Các Bên cũng nhất trí thúc đẩy đối thoại về các vấn đề sở hữu trí tuệ thông qua:

- (a) chỉ định đầu mối liên lạc để triển khai các hoạt động hợp tác theo Điều này; và
- (b) khuyến khích sự tương tác chủ thể quyền sở hữu trí tuệ để mở rộng sự hiểu biết về hệ thống sở hữu trí tuệ của nhau.

7. Các hoạt động hợp tác sẽ được thực hiện theo các điều khoản thỏa thuận và phụ thuộc vào nguồn lực tài chính.

Điều 12.11: Định nghĩa

Đối với Chương này, **sở hữu trí tuệ** bao gồm tất cả đối tượng sở hữu trí tuệ có trong Chương này và/hoặc có trong các Mục 1 đến 7 Phần II của Hiệp định TRIPS.